

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25 /GPMT-UBND

Trà Vinh, ngày 14 tháng 8 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của
Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 191/2023 ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Công ty Cổ phần
đầu tư phát triển bất động sản TNR Holdings Việt Nam về việc tiếp thu ý kiến, giải
trình nội dung chỉnh sửa, bổ sung theo Công văn số 1710/STNMT-QLMT ngày 09
tháng 6 năm 2023 đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án
"Khu dân cư thuộc Trung tâm Chính trị - Hành chính và dịch vụ thương mại, dân
cư tỉnh Trà Vinh" và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
344/TTr-STNMT ngày 08 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần đầu tư phát triển bất động sản TNR
Holdings Việt Nam, địa chỉ tại tầng 26, tòa Tháp A (tòa nhà TNR), số 54A
Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội được
thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án "Khu dân cư thuộc Trung
tâm Chính trị - Hành chính và dịch vụ thương mại, dân cư tỉnh Trà Vinh" tại
phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Khu dân cư thuộc Trung tâm Chính trị - Hành chính và dịch
vụ thương mại, dân cư tỉnh Trà Vinh.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, có mã số
0107462896 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành

phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 6 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 11 tháng 5 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 0107462896.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và xây dựng nhà ở.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Phạm vi: Dự án có tổng diện tích đất là 92.599,5 m² thuộc phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Quy mô, công suất: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công), quy mô công suất 329 căn hộ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển bất động sản TNR Holdings Việt Nam

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần đầu tư phát triển bất động sản TNR Holdings Việt Nam có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 14 tháng 8 năm 2023 đến ngày 14 tháng 8 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty CP đầu tư phát triển bất động sản TNR Holdings Việt Nam;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở TNMT (02 bản);
- UBND TPTV;
- LĐVP;
- Công Thông tin điện tử UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN *Thien* 06

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quỳnh Thiện


Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **25** /GPMT-UBND ngày **14** tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải, cụ thể:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý thải ra hệ thống cống thoát nước công cộng của thành phố Trà Vinh trên đường Võ Nguyên Giáp, sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải thành phố Trà Vinh để xử lý.

2.2. Vị trí xả nước thải: Hệ thống cống thoát nước của thành phố Trà Vinh tại đường Võ Nguyên Giáp, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Tọa độ vị trí xả nước thải: X=1097738; Y=590725 (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $230 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý chảy vào hệ thống cống thoát nước của thành phố Trà Vinh; xả ngầm.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn (QCVN 14:2008/ BTNMT, Cột B, K=1)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5-9	03 tháng/lần
2	BOD ₅	mg/l	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn (QCVN 14:2008/ BTNMT, Cột B, K=1)	Tần suất quan trắc định kỳ
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
10	Photphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	10	
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt của các nhà vệ sinh từ các tầng được thu gom theo ống thoát nước PVC trực đứng có đường kính D90 – D110mm dẫn về bể tự hoại 03 ngăn.

- Khu nhà ở xây dựng 329 bể tự hoại, thể tích từng bể là $4,4m^3$. Nước thải sau bể tự hoại 3 ngăn được thu gom bằng đường ống uPVC đường kính D114 để dẫn về các hố ga thu gom nước thải sau đó được thu gom bằng đường ống HDPE đường kính D300mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Đã xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung, quy trình xử lý như sau:

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý bằng hầm tự hoại → Bể thu gom → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí (MBBR) → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Hố ga thoát nước sau xử lý → Công thoát nước công cộng trên đường Võ Nguyên Giáp (đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1).

- Công suất thiết kế: $230 m^3/ngày.đêm$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Hợp chất trợ lắng PAC, NaClO.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ tháng 10 năm 2023 đến tháng 01 năm 2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải công suất $230 m^3/ngày.đêm$.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: tại vị trí sau hố khử trùng của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn (QCVN 14:2008/ BTNMT, Cột B, K=1)
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000

2.3. Tần suất lấy mẫu

STT	Vị trí lấy mẫu	Số lượng mẫu	Tần suất lấy mẫu	Thời gian dự kiến lấy mẫu
1	Trước bể điều hòa (đầu vào)	01 mẫu	01 mẫu/ngày	Từ ngày 01 tháng 10 năm 2023 đến ngày 30 tháng 10 năm 2023.
2	Sau bể khử trùng (đầu ra)	03 mẫu	01 mẫu/ngày	

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Thực hiện đầy đủ chương trình giám sát môi trường định kỳ theo nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 25 /GPMT-UBND
ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Loại chất thải	Mã chất thải nguy hại	Trạng thái	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	42,6
2	Pin, ắc quy chì thải	16 01 12	Rắn	14,8
3	Thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện tử có linh kiện điện tử, Bóng đèn thải	16 01 13	Rắn	282,7
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp	17 02 03	Lỏng	250
5	Bao bì mềm có các thành phần nguy hại (chất tẩy rửa, sát trùng, phân bón..)	18 01 01	Rắn	128,9
6	Bao bì cứng chứa thành phần nguy hại (thùng sơn thải, bao chứa hóa chất, chai lọ đựng hóa chất, vỏ chai, bao bì thuốc bảo vệ thực vật..).	18 01 03	Rắn	116,6
7	Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại thải	18 02 01	Rắn	80
Tổng cộng				915.6

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	300
2	Dầu mỡ thải từ bể tách mỡ	150
Tổng cộng		450

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 480.340 kg/năm

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Trang bị 06 thùng chứa (dung tích mỗi thùng là 240 lít) có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để thu gom và bảo quản từng loại chất thải rắn nguy hại. Mỗi loại chất thải được lưu giữ trong mỗi thùng riêng biệt có dán tên, mã số chất thải nguy hại theo quy định.

- Đối với chất thải nguy hại từ hộ dân như bóng đèn, pin, ắc quy chì thải,... được người dân gom lại và tập kết tại kho chứa chất thải nguy hại và Ban quản lý khu nhà sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý chất thải theo đúng quy định.

2.1.2. Kho lưu chứa: Đầu tư xây dựng kho lưu chứa chất thải nguy hại với diện tích 15m² (nằm tại khu đất xây dựng hệ thống xử lý nước thải).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Chủ hộ tự trang bị, bố trí thùng chứa rác thải tại các khu vực phát sinh chất thải trong căn hộ. Thùng chứa rác phải đảm bảo phù hợp với tính chất và khối lượng của từng loại chất thải.

- Chủ Dự án bố trí thùng chứa rác sinh hoạt chuyên dụng (loại có nắp đậy) dọc trên các tuyến đường nội bộ và hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, xử lý. Thùng chứa rác dự kiến bố trí bằng vật liệu nhựa composite, thể tích loại 120 lít, 240 lít và bố trí khoảng cách giữa các thùng chứa rác từ 30 - 50 m.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện đầy đủ các nội dung về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án như: Sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải, sự cố vỡ tắc đường cống thu gom, thoát nước thải, thoát nước mưa, sự cố cháy nổ,.../.